

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MỸ
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2021/HNGĐ – ST.
Ngày: 29/4/2021.
“V/v ly hôn giữa anh L và chị G”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ - TỈNH HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Ngô Xuân Quỳnh
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Lê Xuân Thuật và ông Đỗ Văn Hải.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2020/TLST- HNGĐ ngày 12/11/2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXX-ST ngày 12/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1990. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Ng, xã Tr, huyện Y, tỉnh H.

Bị đơn: Chị Tô Thị G, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Ng, xã Tr, huyện Y, tỉnh H.

Nơi ở: Thôn 2. Xã Q, TP M, tỉnh Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 21/10/2013 và cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 01/9/2015. Đều có địa chỉ: Thôn Ng, xã Tr, huyện Y, tỉnh H. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Kh và cháu Kh: Anh Nguyễn Thành L (bố đẻ của các cháu).

Người làm chứng: Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1968. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Ng, xã Tr, huyện Y, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2020 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Thành L trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị Tô Thị G năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Hòa vào ngày 03/5/2012. Sau khi cưới vợ chồng sống cùng bố mẹ anh tại thôn Nguyễn Xá, xã Trung Hòa, cuộc sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về việc nuôi dạy con cái, trong đời sống sinh hoạt hàng ngày, trong công việc, vợ chồng luôn xung khắc, đến cuối năm 2019 thì chị G đã đẻ lại 02 con nhỏ cho anh nuôi để đi làm ăn và ly thân cho đến nay, trong thời gian ly thân hai bên không quan tâm đến nhau, việc của ai người đó làm, chị G không quan tâm, hỏi han gì đến con cái. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị G để ổn định cuộc sống riêng, làm ăn nuôi con.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 21/10/2013 và cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 01/9/2015 hiện nay cả 02 cháu đang ở với anh. Ly hôn, anh xin tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cả 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị Gái cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không cho ai vay, ruộng nông nghiệp không liên quan đến nhau, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Tô Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh L năm 2012, vợ chồng chung sống hòa thuận cho đến sau khi chị sinh con thứ hai thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, và anh Luân có quan hệ tình cảm với người khác, đến cuối năm 2019 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống. Hai gia đình cũng có can thiệp hòa giải nhưng chị và anh L đều xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị không về đoàn tụ với anh L, nay chị nhất trí ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 21/10/2013 và cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 01/9/2015 hiện nay đều đang ở với anh L. Vì không muốn các con phải chia tách và thay đổi môi trường sống nên chị nhất trí giao cả 02 con chung cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc. Anh L và gia đình không được ngăn cản cản trở chị thăm nom các con và nếu anh L không bảo đảm được cuộc sống của con chung thì chị có quyền thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung. Không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc của chị và diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid -19 nên chị không về Tòa án để tham gia tố tụng, chị đề nghị Tòa án giải không hòa giải và giải quyết vắng mặt chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Minh Kh trình bày: Cháu là con bố L và mẹ G, bố mẹ cháu sinh được 02 chị em, cháu và em trai Nguyễn Minh Kh, sinh năm 2015. Từ nhỏ chị em cháu vẫn ở tại thôn Nguyễn Xá, xã Trung

Hòa. Cháu không biết bố mẹ mâu thuẫn, cháu mong muốn bố mẹ đoàn tụ, nếu bố mẹ không đoàn tụ được, cháu đề nghị được ở với bố.

Người làm chứng ông Nguyễn Ngọc A trình bày: Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Thành L. Năm 2012 gia đình ông tổ chức lễ cưới cho anh L với chị G, sau lễ cưới chị G về chung sống với anh L tại gia đình ông, cuộc sống hai anh chị cãi nhau về công việc, về con cái..., gia đình ông nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Đến cuối năm 2019 chị G đã để lại 02 con cho anh L nuôi và bỏ đi. Nay anh L xin ly hôn chị G, ông chỉ mong muốn hai anh chị về đoàn tụ để nuôi các con, nếu không đoàn tụ được ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Ông không có quan hệ gì về kinh tế với anh L và chị G nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Anh Nguyễn Thành L và chị Tô Thị G có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Hòa ngày 05/3/2012. Quá trình sinh sống thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra cãi nhau, nguyên nhân cụ thể thì địa phương không nắm rõ. Cuối năm 2019 chị G bỏ đi để lại 02 con nhỏ là cháu Nguyễn Minh Kh, sinh năm 2013 và cháu Nguyễn Minh Kh, sinh năm 2015 cho anh L nuôi. Nay anh L xin ly hôn chị G, quan điểm địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, giao cho anh L nuôi 02 con vì chị G không có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa

Nguyên đơn anh Nguyễn Thành L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị được ly hôn với chị Tô Thị G và xin nuôi cả 02 con chung; Tài sản chung và các vấn đề khác anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán lập hồ sơ vụ án đúng trình tự thủ tục. Việc lấy lời khai của đương sự và xác minh tại địa phương đảm bảo tính khách quan, hợp pháp. Thời hạn chuẩn bị xét xử, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu và việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo Điều 48; 179; 195; 196; 203; 220 Bộ Luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo các Điều 70; 71, 72 Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự, nên Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về nội dung: Anh Nguyễn Thành L và chị Tô Thị G kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Hòa, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay không quan tâm trách nhiệm đến nhau nữa. Nay đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L cho anh L được ly hôn chị G; con chung giao cho anh L tiếp tục nuôi cả 02 cháu; tài sản và các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo các bên đến tham gia phiên họp và hòa giải, nhưng chị G vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, theo khoản 4 Điều 207 vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

[1.2] Chị Tô Thị G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. HĐXX xét thấy quá trình xác minh thu thập chứng cứ chị G đã có lời khai đầy đủ với Tòa án, chị G đã trình bày thể hiện rõ ý kiến quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của anh L, do vậy việc vắng mặt của chị G tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến kết quả xét xử vụ án, nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt chị G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành L và chị Tô Thị G có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Hòa, huyện Yên Mỹ vào ngày 03/5/2012, hai bên tự nguyện, không bị ép buộc, do vậy theo Điều 8; 9 Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai anh chị có thời gian hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và không có ý thức giữ gìn hạnh phúc gia đình, dẫn tới sống ly thân, trong thời gian ly thân hai gia đình đã hòa giải, động viên nhưng hai anh chị không về đoàn tụ được với nhau và cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, cho anh L được ly hôn với chị G.

[3] Con chung: Hai anh chị có 02 con chung, hiện nay cả 02 cháu đều đang ở với anh L. Anh L xin tiếp tục nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung, chị G cũng nhất trí. Xét thấy nguyện vọng của các đương sự là phù hợp, bảo đảm cuộc sống ổn định cho các con chung, nên giao cháu Nguyễn Minh Kh và cháu Nguyễn Minh Kh cho anh L tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L và gia đình không được ngăn cấm cản trở chị G đến thăm, gặp gỡ và chăm sóc con chung.

[4] Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp: Anh L và chị G không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Thành L phải chịu toàn bộ án phí sở thẩm không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ: Khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227 Bộ Luật tố tụng Dân sự; Điều 8; 9; 56; 83; 84 Luật hôn nhân gia đình. Điều 24; 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) ban hàng kèm theo Nghị quyết.

2/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành L, xử cho anh Nguyễn Thành L được ly hôn chị Tô Thị G.

3/ Về con chung: Giao anh Nguyễn Thành L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 21/10/2013 và cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 01/9/2015 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung. Chị G được quyền thăm và chăm sóc con chung, anh L và gia đình không được ngăn cấm, cản trở.

Bên không trực tiếp nuôi con nào lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4/ Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Không giải quyết

5/ Về án phí: Anh Nguyễn Thành L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ anh L đã nộp tạm ứng án phí ở biên lai thu số 0003370 ngày 12 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ, anh Luân đã nộp đủ án phí.

6/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ;
Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ;
UBND xã Tr, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;
UBND xã Xã Q, TP M, tỉnh Q;
Các đương sự;
Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Ngô Xuân Quỳnh